TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/DS-PT
Ngày: 30-10-2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Trọng – Kiểm sát viên**.**

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2018/TLPT- DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2018/QĐ-PT ngày 08/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 122/2018/QĐ-PT ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Kim D (Q), sinh năm: 1969; cư trú tại đường T1, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1982; cư trú tại đường V, Phường T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền của bà D (Văn bản ủy quyền số 114**, quyển số ** TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng T chứng nhân ngày 17/10/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1981; cư trú tại đường K, phường B1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Hữu Thái H,; cư trú tại đường Tr, Phường h, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1981 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Lê Kim D (Q) thì:

Do quen biết nhau từ trước nên bà D đã nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Kim L vay tiền, mỗi lần vay bà đều không yêu cầu bà L viết thành văn bản, giấy tờ gì. Do không có tiền trả nợ nên giữa bà với bà L và ông Vũ Hữu Thái H đã thỏa thuận với nhau là bà L sẽ bán cho ông H quán cà phê C tại thành phố B với giá 4.000.000.000đ theo đó nếu ông H mua quán thì sẽ phải có trách nhiệm thay bà L trả nợ cho bà số tiền bà L còn nợ là 480.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 3%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2017; cả bà, ông H, bà H đều thống nhất ký vào Văn bản cam kết này. Tuy nhiên, nhận thấy giá sang nhượng quán quá cao nên ông H không đồng ý mua nữa nên số tiền bà L nợ bà vẫn chưa trả. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bị đơn cố tình dây dưa không trả số tiền nói trên.

Nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 480.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận có vay của bà D số tiền 480.000.000đ. Tuy nhiên, số tiền này giữa bà với bà D, ông H đã thỏa thuận chuyển giao cho ông H trả nợ cho bà D thay bà và bà đã phải ký giấy nhận nợ với ông H. Hiện nay ông H đã khởi kiện bà bằng vụ án khác do Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo ông Vũ Hữu Thái H trình bày thì "Văn bản cam kết" ngày 27/10/2017 được lập tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Nội dung văn bản từ đầu đến dòng chữ "Và trả cho cô H1 95 triệu (chín mươi lăm triệu đồng chẵn)" là do bà L viết; 03 dòng chữ tiếp theo sau chữ viết của bà D (Q); bà L, bà D và ông cùng ký, ghi rõ họ tên phía cuối văn bản.

Do thỏa thuận giữa ông với bà L và bà D tại "Văn bản cam kết" ngày 27/10/2017 không thành công nên hiện tại số tiền 480.000.000đ mà bà L nợ bà D ông không phải có trách nhiệm trả mà bà L mới là người phải trả nợ cho bà D. Đối với việc ông khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền nợ gốc là 1.840.000.000đ theo các Hợp đồng vay tiền 01/12/2016 và ngày 27/7/2017 không liên quan gì đến số tiền 480.000.000đ mà bà D đang khởi kiện bà L trong vụ án này. Bà L vay tiền của ai thì phải trả cho người đó.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 31/7/2018 Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim D (Q) về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà Lê Kim D (Q) số tiền 555.696.000đ (năm trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng); trong đó số tiền gốc là 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 75.696.000đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án còn tuyên về án phí và lãi suất thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/8/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Lê Kim D (Q) và bà Nguyễn Thị Kim L có có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết tại giai đoạn phúc thẩm, các đương sự đều xin xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, bà L thừa nhận có vay của bà D tổng cộng 480.000.000đ; tuy nhiên tại Văn bản cam kết ngày 27/10/2017 giữa bà D, bà L và ông Vũ Hữu Thái H thỏa thuận bà L sẽ bán lại cho ông H quán cà phê C (đường K, phường B1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) với giá 4.000.000.000đ và ông H sẽ chịu trách nhiệm trả cho bà D (Q) số tiền 480.000.000đ thay cho bà L, bà L đã ký giấy nhận nợ với ông H và ông H đang khởi kiện đòi nợ bà nên nay bà không chấp nhận trả cho bà D số tiền còn nợ còn bà D và ông H không đồng ý.

[4] Qua đánh giá toàn diện vụ án thì thấy rằng mặc dù giữa bà D, bà L và ông H có thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà L sang ông H và được người có quyền là bà D (Q) đồng ý tuy nhiên việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán vừa nêu là có điều kiện bởi lẽ theo nội dung tại Văn bản cam kết ngày 27/10/2017 thì giữa bà L và ông H thỏa thuận sang nhượng quán cà phê C (thuộc quyền sở hữu của bà L), trong trường hợp việc sang nhượng thành công thì ông H sẽ có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 480.000.000đ thay cho bà L; do việc mua bán không thành nên việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ nói trên không được thực hiện, vấn đề này cũng được các đương sự thừa nhận; việc bà L cho rằng bản thân mình cũng đã viết giấy nhận nợ và đang bị ông H khởi kiện tại Tòa án nhưng không xuất trình căn cứ chứng minh, ông H lại không thừa nhận, đối với vụ án "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản" mà ông H đang khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thì chứng cứ nguyên đơn xuất trình là các giấy vay tiền ngày 01/12/2016 và 27/7/2017 với tổng số tiền là 1.840.000.000đ, đây là các khoản tiền mà bà L đã vay của ông H trước đó và nó diễn ra trước thời điểm các bên thỏa thuận tại Văn bản cam kết ngày 27/10/2017, bà L cho rằng đã viết giấy nhận nợ và ông H đã sử dụng để khởi kiện bà là vô lý bởi lẽ như đã phân tích thì số tiền 480.000.000đ các bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ phát sinh sau các số tiền nợ mà ông H kiện bà L (các khoản tiền nợ của bà L mà ông H khởi kiện phát sinh trong thời gian từ ngày 01/12/2016 -> ngày 27/7/2017); hơn nữa quá trình Tòa án giải quyết vụ án "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản" giữa ông H và bà L thì bà L cũng không đề cập đến số tiền 480.000.000đ mà bà cho rằng đã nhận nợ của ông H do vậy không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 480.000.000đ còn thiếu và lãi suất tính từ ngày 01/01/2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy rằng tại Văn bản cam kết ngày 27/10/2017 các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật, lẽ ra cần phải điều chỉnh lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận, cấp sơ thẩm tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm và buộc bà L phải chịu tiền lãi là 75.696.000đ (480.000.000đ x 0,83%/tháng x 19 tháng) là có căn cứ.

[6] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 26/01/2018; cấp sơ thẩm đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phong tỏa tài sản của bà L để đảm bảo cho việc thi hành án, xét việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên là phù hợp nên cần tiếp tục duy trì để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Với những nhận định trên cần bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] *Về án phí:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim D (Q) về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" với bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Lý có trách nhiệm trả cho bà Lê Kim D (Q) số tiền 555.696.000đ (năm trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng); trong đó số tiền gốc là 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 75.696.000đ (bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 26.227.840đ án phí sơ thẩm. Bà Lê Kim D (Q) không phải chịu án phí sơ thẩm, bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 13.368.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002168 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

+ Án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Kim L, phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002571 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tp.B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch